

Tổng Hợp Kiến Thức Toán Lớp 3: Tìm Số Bị Chia

Chào các em học sinh! Chuyên đề hôm nay sẽ giúp các em nắm vững một trong những dạng toán quan trọng của chương trình Toán lớp 3: "Tìm số bị chia". Chúng ta sẽ cùng nhau ôn lại lý thuyết và luyện tập qua các dạng bài tập đa dạng nhé!

A. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

1. Các thành phần trong phép chia

Trước khi học cách tìm số bị chia, chúng ta cần nhớ lại tên gọi và vai trò của các thành phần trong một phép chia.

Một phép chia gồm có: **Số bị chia**, **Số chia**, **Thương** và **Số dư** (trong phép chia có dư).

Ví dụ: Xét phép chia $23 : 5 = 4 \text{ (dư 3)}$

- **23** là **Số bị chia** (số lớn nhất, được đem đi chia).
- **5** là **Số chia** (số dùng để chia số bị chia).
- **4** là **Thương** (kết quả của phép chia).
- **3** là **Số dư** (phần còn lại sau khi chia không hết).

Để dễ nhớ hơn, các em có thể xem bảng sau:

Thành phần	Vai trò	Ví dụ: $30 : 6 = 5$	Ví dụ: $25 : 4 = 6$ (dư 1)
Số bị chia	Số được đem ra để chia.	30	25
Số chia	Số dùng để chia.	6	4
Thương	Kết quả của phép chia.	5	6
Số dư	Phần còn lại sau khi chia.	0 (phép chia hết)	1

Lưu ý quan trọng: Trong phép chia có dư, **số dư luôn luôn nhỏ hơn số chia**.

2. Cách tìm số bị chia trong phép chia hết

Phép chia hết là phép chia có số dư bằng 0.

Công thức:

Số bị chia = Thương × Số chia

Giải thích: Muốn tìm số bị chia, ta lấy thương nhân với số chia.

Ví dụ minh họa:

- **Ví dụ 1:** Tìm x, biết $x : 5 = 8$.
- *Phân tích:* Trong phép tính này, x là số bị chia, 5 là số chia, 8 là thương.

- *Bài giải:*

$$x : 5 = 8$$

$$x = 8 \times 5$$

$$x = 40$$

- **Ví dụ 2:** Tìm một số biết rằng lấy số đó chia cho 7 thì được 9.
- *Phân tích:* "Số đó" chính là số bị chia cần tìm. Số chia là 7 và thương là 9.

- *Bài giải:*

Số cần tìm là:

$$9 \times 7 = 63$$

Đáp số: 63

3. Cách tìm số bị chia trong phép chia có dư

Phép chia có dư là phép chia có số dư lớn hơn 0.

Công thức:

$$\text{Số bị chia} = (\text{Thương} \times \text{Số chia}) + \text{Số dư}$$

Giải thích: Muốn tìm số bị chia trong phép chia có dư, ta lấy thương nhân với số chia rồi cộng với số dư.

Ví dụ minh họa:

- **Ví dụ 1:** Tìm y, biết $y : 6 = 7$ (dư 4).
- *Phân tích:* y là số bị chia, 6 là số chia, 7 là thương và 4 là số dư.
- *Bài giải:*

$$y : 6 = 7 \text{ (dư 4)}$$

$$y = 7 \times 6 + 4$$

$$y = 42 + 4$$

$$y = 46$$

- **Ví dụ 2:** Một số chia cho 8 được thương là 10 và số dư là 5. Tìm số đó.
- *Phân tích:* Số cần tìm là số bị chia. Số chia là 8, thương là 10, số dư là 5.
- *Bài giải:*

Số cần tìm là:

$$10 \times 8 + 5 = 85$$

Đáp số: 85

B. CÁC DẠNG BÀI TẬP VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI

Dạng 1: Tìm X cơ bản

Phương pháp: Áp dụng trực tiếp hai công thức đã học ở trên để tìm X (với X là số bị chia).

1. **Bài tập 1:** Tìm X, biết $X : 4 = 9$.

Giải:

$$X : 4 = 9$$

$$X = 9 \times 4$$

$$X = 36$$

2. **Bài tập 2:** Tìm X, biết $X : 7 = 5$ (dư 3).

Giải:

$$X : 7 = 5 \text{ (dư 3)}$$

$$X = 5 \times 7 + 3$$

$$X = 35 + 3$$

$$X = 38$$

3. **Bài tập 3:** Tìm X, biết X chia cho 9 được thương là 6 và số dư là 1.

Giải:

Theo đề bài, ta có phép tính: $X : 9 = 6 \text{ (dư 1)}$

Số bị chia X là:

$$X = 6 \times 9 + 1$$

$$X = 54 + 1$$

$$X = 55$$

Dạng 2: Bài toán có lời văn

Phương pháp: Đọc kỹ đề bài, xác định các số đã cho tương ứng với thành phần nào của phép chia (số chia, thương, số dư). Từ đó áp dụng công thức để tìm số bị chia.

1. **Bài tập 1 (Phép chia hết):** Cô giáo chia đều số bút chì màu vào 8 hộp, mỗi hộp có 12 chiếc. Hỏi cô giáo có tất cả bao nhiêu chiếc bút chì màu?

Tóm tắt:

Chia vào: 8 hộp

Mỗi hộp có: 12 chiếc

Tất cả có: ... chiếc?

Phân tích: Số bút chì ban đầu là số bị chia. Số hộp là số chia (8). Số bút trong mỗi hộp là thương (12). Đây là phép chia hết.

Bài giải:

Số bút chì màu cô giáo có tất cả là:

$$12 \times 8 = 96 \text{ (chiếc)}$$

Đáp số: 96 chiếc bút chì màu

2. **Bài tập 2 (Phép chia có dư):** Một đoàn khách du lịch có 47 người cần qua sông. Mỗi thuyền chỉ chở được 5 người (không kể người lái thuyền). Hỏi cần ít nhất bao nhiêu thuyền để chở hết số khách đó?

Phân tích: Đây là một bài toán tìm thương nhưng lại liên quan đến số bị chia. Ta thực hiện phép chia 47 cho 5. Số bị chia là 47, số chia là 5.

Bài giải:

Ta có phép chia: $47 : 5 = 9 \text{ (dư 2)}$

Như vậy, nếu dùng 9 thuyền thì sẽ chở được $9 \times 5 = 45$ người, và còn lại 2 người chưa được qua sông.

Do đó, cần thêm 1 thuyền nữa để chở 2 người còn lại.

Số thuyền cần ít nhất là:

$$9 + 1 = 10 \text{ (thuyền)}$$

Đáp số: 10 thuyền

Dạng 3: Bài toán nâng cao (liên quan đến số dư lớn nhất)

Phương pháp: Nhớ vững quy tắc "Số dư luôn nhỏ hơn số chia". Từ đó, suy ra "Số dư lớn nhất có thể có sẽ kém số chia 1 đơn vị".

1. **Bài tập 1:** Tìm một số, biết rằng nếu lấy số đó chia cho 7 thì được thương là 8 và số dư là số dư lớn nhất có thể.

Phân tích:

- Số chia là 7.
- Vì số dư phải nhỏ hơn số chia, nên số dư phải nhỏ hơn 7.
- Số lớn nhất nhỏ hơn 7 là 6. Vậy số dư lớn nhất có thể là 6.

Bài giải:

Số chia trong phép tính là 7.

Số dư lớn nhất có thể trong phép chia này là: $7 - 1 = 6$

Số cần tìm là:

$$8 \times 7 + 6 = 62$$

Đáp số: 62

2. **Bài tập 2:** Trong một phép chia có số chia là 9, thương là 15 và số dư là số dư lớn nhất. Tìm số bị chia.

Bài giải:

Vì số chia là 9 nên số dư lớn nhất có thể là 8.

Số bị chia cần tìm là:

$$15 \times 9 + 8 = 135 + 8 = 143$$

Đáp số: 143

C. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Các em hãy thử sức với các bài tập dưới đây để củng cố kiến thức nhé!

1. Tìm X, biết: $X : 6 = 11$.

2. Tìm X, biết: $X : 8 = 7$ (dư 5).
3. Tìm một số, biết rằng số đó chia cho 5 được thương là 15.
4. Một số chia cho 9 được thương là 10 và số dư là 3. Tìm số đó.
5. Lớp 3B có 35 học sinh, cô giáo muốn chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm có 4 bạn. Hỏi chia được bao nhiêu nhóm và còn thừa mấy bạn?
6. Tìm số bị chia trong một phép chia có số chia là 7, thương là 12 và số dư là số dư lớn nhất có thể.
7. An có một số viên bi. An chia đều số bi đó cho 5 người bạn thì mỗi bạn được 9 viên và An còn thừa lại 2 viên. Hỏi lúc đầu An có bao nhiêu viên bi?

ĐÁP ÁN

1. $X = 66$
2. $X = 61$
3. Số đó là 75
4. Số đó là 93
5. Chia được 8 nhóm và còn thừa 3 bạn.
6. Số dư lớn nhất là 6. Số bị chia là $12 \times 7 + 6 = 90$.
7. An có 47 viên bi.